

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11/6/2024

"V/v ly hôn, nuôi con, chia tài sản
chung vợ chồng khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Quyết** và ông **Nguyễn Minh Tân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Lê Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 715/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXX-ST ngày 15/4/2024; quyết định tạm ngừng phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**), sinh năm 1982. Địa chỉ: **Khu P, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương** (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1979. Địa chỉ: **Khu P, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương** (có mặt khi xét xử - vắng mặt khi tuyên án).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N2** - Luật sư văn phòng luật sư **Tâm Đức P1** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh H**. Địa chỉ: **Số C L, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương** (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Tăng Văn Ú**, sinh năm 1977 và chị **Lại Thị P2**, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: **Khu P, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương** (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt - vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn N1** kết hôn với nhau là tự nguyện, được **UBND xã T, huyện G** (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/5/2001. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc nhiều năm, đã sinh với nhau 5 người con. Tuy nhiên, trải qua biến cố của gia đình, trong 5 người con vợ

chồng sinh ra, cháu thì tai nạn, cháu thì mắc phải bệnh hiểm gặp nên chết sau khi mới sinh, cho đến nay vợ chồng chỉ còn một con chung. Xuất phát từ bất hạnh về con cái trong cuộc sống chung, với nỗi tuyệt vọng, đau khổ của chị nhưng với tư cách là người chồng, người cha anh **N1** đã không động viên, chia sẻ lại kiếm có gây chuyện, nguyên rủa chị với tư tưởng anh **N1** cho rằng nỗi bất hạnh về con cái là do chị gây ra. Bản thân chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh **N1** không hề thay đổi mà còn làm tình trạng mâu thuẫn trầm trọng hơn thông qua lời lẽ, cách cư xử đối với chị cũng như gia đình nhà chị như chửi bới chị, xúc phạm gia đình nhà chị và đặc biệt, do nhà của vợ chồng liền kề với gia đình bố mẹ đẻ của chị nên anh nhiều lần chửi bới, nhiều lần mở nhạc đám ma từ tối tới đêm để khủng bố tinh thần chị, làm ảnh hưởng đến gia đình bố mẹ chị và hàng xóm láng giềng. Từ nhiều tháng nay, do không chịu đựng nổi nên chị về nhà đẻ ở và vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh **N1** không thể tồn tại được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **N1**.

Về con chung: Chị và anh **N1** còn một con chung là **Nguyễn Thanh H**, sinh ngày 07/3/2011. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh **N1** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị **P (N)** xác định chị đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm diện tích 86,6 m² đất ở tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 địa chỉ **Khu P, phường T, thành phố H**. Tài sản trên đất là công trình nhà xây mái bằng hai tầng, móng ép cọc bê tông, khung cột bê tông chịu lực, tường gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép. Khi ly hôn chị đề nghị phân chia tài sản chung là nhà đất cho vợ chồng theo hướng mỗi người được hưởng ½ giá trị và do nhà đất của vợ chồng liền kề với nhà đất của bố mẹ chị nên để tránh sự ảnh hưởng tới gia đình chị trong khi anh **N1** đã có những hành động gây ảnh hưởng nên chị đề nghị được hưởng tài sản là nhà đất và chia trả phần giá trị tài sản nhà đất cho anh **N1** bằng tiền. Đối với các tài sản khác là vật dụng sinh hoạt trong nhà chị không yêu cầu Tòa án phân chia mà vợ chồng sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau.

Về nợ chung, công sức chung chị xác định không có nên **không** yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh **Nguyễn Văn N1** trình bày: Anh và chị **Tăng Thị P** kết hôn là tự nguyện, được **UBND xã T, huyện G (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Hải Dương** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/5/2001. Sau kết hôn, trải qua nhiều năm chung sống nhưng cuộc sống vợ chồng gặp nhiều khúc mắc, vợ chồng sinh được 5 người con nhưng cháu thì bệnh, cháu thì tai nạn đến nay đã mất 04 con, chỉ còn lại một con chung duy nhất sinh năm 2011. Anh **N1** xác định nguyên nhân chính xuất phát từ việc con cái như vậy nên vợ chồng xảy ra nhiều bất hòa, không còn tìm được tiếng nói chung để giải quyết các vấn đề liên quan đến cuộc sống chung. Trước đây, vợ chồng cam chịu để vượt qua khó khăn, nhưng thời gian gần đây anh cho rằng chị **P (N)** thay đổi tính nết nên vợ chồng ít quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị **P (N)** đã bỏ về nhà đẻ ở mặc dù anh có sang tìm nhưng chị **P (N)** không về. Nay chị **P (N)** khởi

kiện đề nghị giải quyết ly hôn, anh **N1** xác định vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nhưng nếu chị **P (N)** cương quyết đề nghị giải quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí để giải tỏa các vấn đề vợ chồng còn khúc mắc trong cuộc sống.

Về con chung: Anh **N1** xác định vợ chồng còn một con chung là **Nguyễn Thanh H**, sinh ngày 07/3/2011. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị **P (N)** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh **N1** xác định tài sản chung của vợ chồng gồm diện tích 86,6 m² đất ở tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 địa chỉ **Khu P, phường T, thành phố H**. Tài sản trên đất là công trình nhà xây mái bằng hai tầng, móng ép cọc bê tông, khung cột bê tông chịu lực, tường gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép. Ngoài ra anh **N1** xác định vợ chồng còn các tài sản khác như xe máy, điều hòa, tủ lạnh và các vật dụng sinh hoạt trong gia đình... Anh **N1** ước tính tổng giá trị tài sản nhà, đất cũng như các tài sản khác khoảng 2,5 tỷ đồng. Nếu chia theo pháp luật thì anh và chị **P (N)** mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản. Trường hợp chị **P (N)** nhận hiện vật thì phải trả sang cho anh giá trị tài sản là 1,25 tỷ đồng, nếu anh lấy toàn bộ tài sản thì anh sẽ trả sang cho chị **P (N)** 1,25 tỷ đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Tăng Văn Ú** và chị **Lại Thị P2** trình bày: Anh **Tăng Văn Ú** là chú ruột của chị **Tăng Thị P (N)**. Tại thời điểm vợ chồng chị **P (N)**, anh **N1** xây công trình nhà trên diện tích đất giáp ranh với thửa đất của vợ chồng anh **Ú**, khi đó ông **Tăng Văn T** là bố đẻ chị **P (N)** có nói với anh là cho vợ chồng **P (N)**- Nguyên xây nhờ một nhà vệ sinh trên phần diện tích khoảng hơn 3m² đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng anh. Vì là người trong gia đình, hơn nữa vợ chồng chị **P (N)**, anh **N1** chỉ đặt vấn đề xây nhờ nhà vệ sinh tách rời với hệ thống nhà chính nên vợ chồng anh đã đồng ý cho vợ chồng chị **P (N)**, anh **N1** xây nhờ nhà vệ sinh trên diện tích đất này. Kể từ thời điểm xây xong đến nay, giữa các bên không phát sinh bất kỳ tranh chấp gì. Sau khi được xem kết quả đo vẽ do Tòa án tiến hành thẩm định vợ chồng anh nhất trí xác định diện tích đất cụ thể mà vợ chồng anh cho vợ chồng chị **P (N)**, anh **N1** xây nhờ nhà vệ sinh là 3,4m². Anh **Ú** và chị **P2** xác định trong trường hợp vợ chồng chị **P (N)**, anh **N1** ly hôn, phân chia tài sản chung là đất và công trình nhà, vợ chồng anh xác định sau này nếu chị **P (N)** hoặc anh **N1** ai là người được sử dụng tài sản là đất và công trình nhà thì khi nào vợ chồng anh yêu cầu thì người được sử dụng tài sản phải thực hiện nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ phần nhà vệ sinh đã xây dựng nhờ trên phần diện tích đất của vợ chồng anh chị để trả lại mặt bằng diện tích đất này.

Tại phiên tòa:

Chị **Tăng Thị P (N)** và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị **P (N)** trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết cho chị **P (N)** được ly hôn anh **N1**.

Về con chung: Do con chung có nguyện vọng muốn được ở với anh **N1** và anh **N1** cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên chị tôn

trọng sự lựa chọn của con. Đồng thời nhất trí đề nghị Tòa giao con chung cho anh **N1** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và công trình nhà xây dựng trên đất tại địa chỉ **Khu P, phường T, thành phố H**. Đối với các tài sản là vật dụng sinh hoạt trong nhà, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và sau khi ly hôn vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, trường hợp anh **N1** muốn lấy tài sản gì thì chị cũng nhất trí để anh **N1** được sở hữu, sử dụng. Về nợ chung, công sức chung chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và công trình nhà xây dựng trên đất tại địa chỉ **Khu P, phường T, thành phố H** đề nghị Hội đồng xét xem xét giao toàn bộ đất và nhà cho chị **P (N)** sử dụng, sở hữu và chị **P (N)** trả giá trị $\frac{1}{2}$ tài sản nhà đất này bằng tiền cho anh **N1** theo giá mà Hội đồng định giá đã định. Căn cứ phía nguyên đơn đề nghị được hưởng bằng hiện vật là do đất có nguồn gốc vợ chồng mua của bố mẹ chị **P (N)**, thửa đất này giáp ranh với thửa đất mà bố mẹ chị đang ở, khi vợ chồng ly hôn với những khúc mắc đang tồn tại thì vấn đề mâu thuẫn giữa anh **N1** với gia đình nhà chị ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của gia đình nhà chị; mặt khác công trình nhà vệ sinh là tài sản vợ chồng xây nhờ trên phần đất của chú ruột chị, nếu giao cho anh **N1** nhà và đất sẽ khó khăn, vướng mắc đối với gia đình chú ruột chị nếu có yêu cầu trả lại đất khi anh **N1** và chị không còn là vợ chồng và để đảm bảo cho anh **N1** có đủ điều kiện tạo lập chỗ ở mới phù hợp với điều kiện thực tế tại nơi vợ chồng đang sinh sống, chị tự nguyện trả thêm cho anh **N1** một khoản tiền khoảng hơn 100 triệu đồng để cộng với số tiền $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung anh **N1** được hưởng sẽ tròn 700.000.000 đồng.

Anh **Nguyễn Văn N1** xác định vợ chồng có những khúc mắc trong cuộc sống nhưng anh không muốn ly hôn. Tuy nhiên bản thân anh **N1** tại phiên tòa cũng thừa nhận với tình trạng của vợ chồng nếu có quay về chung sống với nhau thì vợ chồng cũng không còn hạnh phúc và do chị **P (N)** là người khởi kiện ly hôn nên anh **N1** đề nghị Tòa căn cứ vào pháp luật để giải quyết yêu cầu của chị **P (N)**. Về con chung anh **N1** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng do con chung có nguyện vọng muốn được ở với anh. Anh **N1** tự nguyện không yêu cầu chị **P (N)** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, còn việc chị **P (N)** cho con thế nào thì do chị **P (N)** tự quyết định, tự thực hiện. Đối với yêu cầu phân chia tài sản chung là đất và nhà của chị **P (N)**, anh **N1** xác định tài sản chung của vợ chồng thì hai bên phải tự ngồi lại để thỏa thuận. Mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích quy định của pháp luật để các bên thỏa thuận nhưng anh **N1** xác định hai bên phải về nhà thỏa thuận chứ không thỏa thuận tại Tòa án, anh **N1** cho rằng chị **P (N)** là người khởi kiện yêu cầu phân chia, anh không phải là người yêu cầu nên không trình bày quan điểm cụ thể về tài sản nhà đất mà chỉ xác định nếu giá trị mỗi bên được hơn 500 triệu như Hội đồng định giá xác định anh không nhất trí. Đối với các tài sản khác là vật dụng sinh hoạt trong gia đình anh **N1** không yêu cầu phân chia. Về nợ chung, công sức chung anh **N1** xác định không có nên không có đề nghị gì.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về sự có mặt tại phiên tòa.

Ý kiến quan điểm của Đại diện VKSND thành phố Hải Dương về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**): Cho ly hôn giữa chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) và anh **Nguyễn Văn N1**.

- Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) và anh **Nguyễn Văn N1**: Giao con chung **Nguyễn Thanh H**, sinh ngày 07/3/2011 cho anh **Nguyễn Văn N1** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh **Nguyễn Văn N1** không yêu cầu chị **P** (**N**) phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung: Xử xác định tài sản chung của vợ chồng **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) và anh **Nguyễn Văn N1** để tiến hành phân chia gồm: Diện tích 86,6 m² đất ở tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 địa chỉ **Khu P, phường T, thành phố H** và toàn bộ công trình nhà xây dựng trên đất. Giao tài sản chung của vợ chồng là diện tích 86,6 m² đất ở tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 địa chỉ **Khu P, phường T, thành phố H** và toàn bộ công trình nhà xây dựng trên đất cho chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) được quyền sở hữu, sử dụng. Tạm giao cho chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) quản lý, sử dụng 01 nhà vệ sinh 3,4m² xây nhờ trên phần đất thuộc quyền sử dụng của anh **Ú** và chị **P2**, trường hợp anh **Ú**, chị **P2** có yêu cầu thì chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) phải thực hiện nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ phần công trình nhà vệ sinh để trả lại mặt bằng diện tích đất này. Tạm giao cho chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) quản lý, sử dụng 13m² cầu xây dựng bắc qua mương thoát nước và 7,9m² mái tôn nằm trên phần đất công do **UBND phường T** quản lý. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến quy hoạch sử dụng đất, sử dụng hệ thống mương tiêu thoát nước thì chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) phải thực hiện phối hợp giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) phải thực hiện nghĩa vụ trả ½ giá trị tài sản cho anh **N1** bằng tiền là 592.399.230 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) trả thêm cho anh **N1** số tiền 107.600.770 đồng để anh **N1** có đủ điều kiện tạo lập chỗ ở mới.

- Về án phí, chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết ly hôn, phân định quyền nuôi dưỡng con chung, chia tài sản chung khi ly hôn giữa chị với anh **Nguyễn Văn N1**. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án anh **N1** đã có quan điểm trình bày, tại các buổi xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản anh **N1** đều có mặt nhưng không xác nhận biên bản; tại buổi công khai chứng cứ và hòa giải anh **N1** có mặt nhưng sau khi tiếp cận công khai chứng cứ xong, tại phiên hòa giải anh **N1** đã tự ý bỏ về không xác nhận biên bản. Sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã gửi cho anh **N1** quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 03/5/2024 anh **N1** vắng mặt nhưng do cần phải xác minh thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 02/6/2024 anh **N1** vắng mặt mặc dù đã nhận được thông báo thời gian địa điểm mở lại phiên tòa và giấy triệu tập nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa để tiến hành triệu tập lại. Tại phiên tòa hôm nay, anh **N1** xác định nếu giá trị tài sản chung là nhà đất mỗi bên được hơn 500 triệu như Hội đồng định giá xác định anh không nhất trí nhưng anh **N1** không có khiếu nại về giá nên kết quả định giá sẽ được Hội đồng xét xử sử dụng để xác định giá trị tài sản. Bản thân anh **N1** đã tham gia phiên tòa nhưng trong quá trình Hội đồng xét xử nghị án anh **N1** đã tự ý bỏ về vắng mặt khi tuyên án không có lý do chính đáng nên thời hạn kháng cáo bản án của anh **N1** sẽ được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quy định tại đoạn 2 Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**), anh **Nguyễn Văn N1** kết hôn là tự nguyện, đủ điều kiện và có đăng ký là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhiều năm, đã có với nhau 05 người con chung. Tuy nhiên, trong số 05 người con chung của anh chị, cháu thì bị tai nạn, cháu thì mắc bệnh hiếm gặp và chết khi mới sinh dẫn tới đến nay chỉ còn duy nhất 01 con chung là cháu **Nguyễn Thanh H**. Chị **P (N)** và anh **N1** đều thừa nhận xuất phát từ việc con chung như vậy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, không còn tìm được tiếng nói chung để giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Khi xảy ra mâu thuẫn cả hai không có biện pháp gì để cải thiện thì chị bỏ về nhà đẻ ở, vợ chồng ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **N1** trình bày quan điểm mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nhưng cũng chính bản thân anh **N1** xác định tại phiên tòa nếu vợ chồng có quay lại chung sống thì cũng không có hạnh phúc và chị **P (N)** cương quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Đánh giá quan điểm của anh **N1** tại phiên tòa cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh **N1** không chấp hành khi Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải, thể hiện ý thức bỏ mặc không muốn tìm biện pháp cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Như vậy, có thể xác định được rằng giữa chị **P (N)** và anh **N1** không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau, cuộc sống chung không còn

hạnh phúc, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị P (N) xử cho chị P (N) ly hôn anh N1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị P (N) và anh N1 có một con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07/3/2011. Bản thân chị P (N) và anh N1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu bên còn lại phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhưng cũng đều thể hiện quan điểm tôn trọng ý kiến của con chung nếu con chung muốn ở với ai. Tại phiên tòa, cháu H có nguyện vọng muốn được ở với bố là anh N1, chị P (N) và anh N1 thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng và anh N1 tự nguyện không yêu cầu chị P (N) phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử thấy rằng chị P (N) và anh N1 đều là người có điều kiện nuôi con như nhau. Vì vậy, cần chấp nhận sự tự thỏa thuận của các bên giao con chung cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi cũng như chấp nhận sự tự nguyện của anh N1 không yêu cầu chị P (N) phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị P (N) chỉ yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung là diện tích 86,6 m² đất ở tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 địa chỉ Khu P, phường T, thành phố H và toàn bộ công trình xây dựng trên đất. Quá trình giải quyết, các đương sự đều xác định diện tích đất và công trình nhà trên đất là tài sản chung của vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân; đồng thời đều đưa ra quan điểm mỗi bên được hưởng ½ giá trị tài sản chung. Căn cứ vào biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất, cũng như công trình nhà đã xây dựng trên diện tích đất thì hiện trạng đất có chiều mặt đường nhỏ chạy dài, hai bên và phía sau đều tiếp giáp công trình nhà của các hộ sử dụng đất liền kề, trên đất đã được xây dựng công trình kiên cố, nếu phân chia bằng hiện vật cho cả hai bên cùng sử dụng thì sẽ không đảm bảo về giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giao toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình trên đất cho một bên sử dụng và bên được giao tài sản phải thực hiện nghĩa vụ trả ½ giá trị tài sản chung cho bên còn lại bằng tiền theo giá mà Hội đồng định giá đã định. Mặc dù hiện tại anh N1 vẫn đang ở tại nhà đất này; tuy nhiên nhà đất này liền kề với nhà đất của bố mẹ đẻ chị P (N) và phần công trình nhà vệ sinh xây nhờ trên phần đất của chú ruột chị P (N) nên để tránh những phát sinh không tốt có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến gia đình, người thân của chị P (N) sau khi vợ chồng ly hôn. Chị P (N) tha thiết đề nghị Tòa án xem xét giao toàn bộ tài sản nhà đất cho chị được sở hữu, sử dụng và chị sẽ thực hiện trách nhiệm trả sang cho anh N1 ½ giá trị bằng tiền. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị P (N) đề nghị và cam kết ngoài ½ giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đã định, chị tự nguyện trả thêm cho anh N1 một khoản tiền khoảng hơn 100 triệu đồng để anh N1 có đủ tiền để tạo lập chỗ ở mới đảm bảo ổn định cuộc sống. Để bản án có giá trị thi hành nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định giao toàn bộ nhà và đất cho chị P (N) được sở hữu, sử dụng và tạm giao cho chị P (N) sử dụng phần diện tích lán tôn dựng trên đất lán chiếm do UBND phường T quản lý, cầu bê tông

bắc qua mương tiêu thoát nước do UBND phường T quản lý, nhà vệ sinh xây nhờ trên đất của ông Ú-bà P2 để sau này chị P (N) thực hiện nghĩa vụ với UBND phường T cũng như ông Ú-bà P2. Chị P (N) phải thực hiện nghĩa vụ trả ½ giá trị tài sản bằng tiền cho anh N1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời cũng cần chấp nhận sự tự nguyện của chị P (N) trả thêm cho anh N1 một khoản tiền để tạo lập chỗ ở mới.

Diện tích 86,6m² đất đã được định giá là 779.400.000 đồng; công trình nhà trên đất đã được định giá là 377.293.000 đồng; 4,8m² lán mái tôn dựng trên đất thuộc giấy chứng nhận trị giá 6.377.000 đồng; 7,9m² lán mái tôn dựng trên đất do UBND phường T quản lý trị giá 10.496.000 đồng; 13m² cầu bê tông bắc qua mương tiêu thoát nước UBND do phường Thạch Khê quản lý trị giá 403.460 đồng; 3,4m² nhà vệ sinh xây nhờ trên đất thuộc quyền sử dụng của ông Ú-bà P2 trị giá 10.829.000 đồng. Tổng giá trị bằng 1.184.798.460 đồng. Do chị P (N) được giao sử dụng toàn bộ nhà đất nên chị P (N) phải có trách nhiệm trả ½ giá trị tài sản sang cho anh N1 bằng tiền là 1.184.798.460 đồng/2 = 592.399.230 đồng (*năm trăm chín mươi hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn hai trăm ba mươi đồng*).

Đối với nội dung chị P (N) tự nguyện trả thêm cho anh N1 số tiền 107.600.770 đồng (*một trăm linh bảy triệu sáu trăm nghìn bảy trăm bảy mươi đồng*) để anh N1 đủ điều kiện tạo lập chỗ ở mới. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của chị P (N) và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Đối với các tài sản khác là vật dụng sinh hoạt trong gia đình chị P (N) và anh N1 không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Chị P (N) và anh N1 xác định vợ chồng không có nợ chung, không có công sức chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng:

Chị Tăng Thị P (*tên gọi khác: Tăng Thị N*) phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn và phải chịu án phí chia tài sản giá ngạch tương ứng đối với giá trị phần tài sản được hưởng. Anh Nguyễn Văn N1 phải chịu án phí chia tài sản giá ngạch tương ứng đối với giá trị phần tài sản được hưởng.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị Tăng Thị P (*tên gọi khác: Tăng Thị N*) đã nộp và tự nguyện chịu cả nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi của mình theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 59, 62, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 149; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 170 Luật đất đai; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XỬ:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**): Cho ly hôn giữa chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) và anh **Nguyễn Văn N1**.

2. Về nuôi con chung:

Chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) và anh **Nguyễn Văn N1**, giao con chung **Nguyễn Thanh H**, sinh ngày 07/3/2011 cho anh **Nguyễn Văn N1** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh **Nguyễn Văn N1** không yêu cầu chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của vợ chồng chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) và anh **Nguyễn Văn N1** để tiến hành phân chia khi ly hôn gồm: Diện tích 86,6 m² đất ở tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 địa chỉ **Khu P, phường T, thành phố H** và toàn bộ công trình nhà xây dựng trên đất.

Giao cho chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 86,6 m² đất ở tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 địa chỉ **Khu P, phường T, thành phố H** và sở hữu toàn bộ công trình nhà xây dựng trên đất.

Tạm giao cho chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) sử dụng 7,9m² lán mái tôn dựng trên đất do **UBND phường T** quản lý và 13m² cầu bê tông bắc qua mương tiêu thoát nước do **UBND phường T** quản lý. Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và hệ thống mương tiêu thoát nước thì chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) phải thực hiện phối hợp giải quyết theo quy định của pháp luật để trả lại nguyên trạng.

Tạm giao cho chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) sử dụng 3,4m² công trình nhà vệ sinh xây dựng nhờ trên đất thuộc quyền sử dụng của ông **Tăng Văn Ú** và bà **Lại Thị P2**. Trường hợp ông **Ú**-bà **P2** có yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất thì chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) phải thực hiện nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ phần công trình nhà vệ sinh để trả lại mặt bằng.

(Toàn bộ tài sản có sơ đồ kèm theo).

Buộc chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) phải thực hiện nghĩa vụ trả sang cho anh **Nguyễn Văn N1** $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với số tiền là **592.399.230** đồng (năm trăm chín mươi hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn hai trăm ba mươi đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) trả thêm cho anh **Nguyễn Văn N1** số tiền là **107.600.770** đồng (một trăm linh bảy triệu sáu trăm nghìn bảy trăm bảy mươi đồng)

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh **Nguyễn Văn N1** có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí, chi phí tố tụng:

Buộc chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2023/0000641 ngày 24/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Buộc chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) phải chịu 27.695.000 đồng - đã làm tròn (hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2023/0000642 ngày 24/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) còn phải nộp tiếp số tiền 20.195.000 đồng (hai mươi triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Buộc anh **Nguyễn Văn N1** phải chịu 27.695.000 đồng - đã làm tròn (hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Tăng Thị P** (tên gọi khác: **Tăng Thị N**) chịu toàn bộ số tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) - (chị **P** (**N**) đã thực hiện xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THA DS TPHD;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn;
- UBND phường Thạch Khê, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền